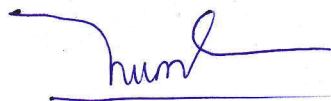


CÔNG KHAI TÌNH HÌNH THU CHI TÀI CHÍNH
THÁNG 11/2019

Stt	Nội dung	Số dư đầu kỳ	Số phát sinh tháng 11/2019		Số dư cuối kỳ	Ghi chú
			Thu	Chi		
I	Tiền					
1	Tiền mặt	4.711.888	2.590.554.000	2.589.734.500	5.531.388	
2	Tiền gửi ngân hàng	5.382.987.736	2.646.903.974	2.763.280.196	5.266.611.514	
3	Tiền gửi kho bạc	1.885.067.067	766.562.700	91.671.447	2.559.958.320	
	Cộng tiền	7.272.766.691	6.004.020.674	5.444.686.143	7.832.101.222	
II	Các nguồn					
1	Ngân sách	5.592.546.693	383.970.000	1.129.643.011	4.846.873.682	
2	Học phí công lập	1.049.287.641	503.320.000	26.201.447	1.526.406.194	
3	Tiền thiết bị vật dụng bán trú	162.878.561	8.100.000	2.772.000	168.206.561	
4	Phục vụ bán trú	462.748.418	236.100.000	213.166.310	485.682.108	
5	Hai buổi	679.585.174	248.135.000	226.684.709	701.035.465	
6	Vi tính	103.976.845			103.976.845	
7	Lab	168.031.328			168.031.328	
8	Học TA với GV nước ngoài	499.548.791	147.260.000	137.381.420	509.427.371	
9	Dạy thêm, học thêm	193.567.852	44.595.000	31.397.808	206.765.044	
10	Dạy kỹ năng sống	45.734.608	26.922.000	7.200.000	65.456.608	
11	Căn tin	229.831.747	45.000.000	-	274.831.747	
12	Lãi ngân hàng	26.693.234	859.658	235.318	27.317.574	
13	Sự nghiệp khác	24.796.034	21.017	-	24.817.051	
14	Vệ sinh phí	56.352.958	31.460.000	33.671.955	54.141.003	
15	Quỹ khen thưởng - NNS	43.856.104	890.000		44.746.104	
16	Quỹ khen thưởng - NS	159.488.782	5.220.000	48.870.000	115.838.782	
17	Quỹ phúc lợi - NNS	148.369.885	-	24.062.500	124.307.385	
18	Quỹ phúc lợi - NS	112.537.360	-	16.600.000	95.937.360	
19	Quỹ PTSN - NNS	126.686.592	-	6.000.000	120.686.592	
20	Quỹ PTSN- NS	905.327.494			905.327.494	
21	Quỹ ổn định thu nhập - NS	22.261.719			22.261.719	
22	Khác (Thu hộ chi hộ)	2.207.230.905	1.747.875.299	1.739.802.676	2.215.303.528	
23	* BHYT - HS	927.377.059	131.881.299	10.792.000	1.048.466.358	
	* An	901.951.245	780.875.000	812.332.676	870.493.569	
	* BHTN - HS	55.410.000	3.330.000	-	58.740.000	
	* Tiền in đề & giấy thi k. tra	30.278.002	1.248.000	5.041.000	26.485.002	
	* Nước uống	24.976.000	18.726.000	19.072.000	24.630.000	
	* Thu hộ chi hộ khác	5.958.599	49.275.000	-	55.233.599	
	* Tham quan học tập ngoại khóa	-	626.660.000	623.345.000	3.315.000	
	* Kỹ năng sống	261.280.000	135.880.000	269.220.000	127.940.000	
	Cộng các nguồn	13.021.338.725	3.429.727.974	3.643.689.154	12.807.377.545	
	Tổng cộng:	20.294.105.416	9.433.748.648	9.088.375.297	20.639.478.767	

KẾ TOÁN



Nguyễn Thị Ngọc Hương

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Hồng Đức